

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 29 - 6 - 2018
“V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Đức Hoài**

2. Ông **Trần Văn Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Trúc L**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp T, xã N T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn P**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp B, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L và anh P có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Trương Thị Trúc L trình bày như sau:

Chị Trương Thị Trúc L và anh Trần Văn P chung sống với nhau từ năm 2012, có

tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 17/6/2014. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên nảy sinh bất hòa, cự cãi về kinh tế gia đình và anh P thường xuyên đi nhậu với bạn bè về vợ chồng cự cãi, có lần anh P đánh chị L (đánh bằng tay), từ đó làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc chị đã cố gắng níu kéo để giữ hạnh phúc gia đình như anh P vẫn không sửa đổi, sau đó cha mẹ hai bên hòa giải động viên nhưng anh P vẫn tính nết tật nấy và vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ ngày 20/3/2018 cho đến nay.

Về con: Chị L và anh P có 01 đứa con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013. Hiện đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Về tài sản, về nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Bị đơn anh Trần Văn P có ý kiến trình như sau:

Về thời gian anh P và chị L chung sống với nhau, chúng tôi có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang ngày 17/6/2014; vợ chồng có 01 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của con; vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng là đúng như ý kiến của chị L trình bày nên anh không trình bày gì thêm. Nhưng còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P cũng có đi nhậu với bạn bè, về chị L cần nhần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị L về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 20/3/2018 cho đến nay.

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với Trương Thị Trúc L.
- Về con: Anh P yêu cầu được dưỡng con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con cùng anh.
- Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; trích lục kết hôn; giấy chứng minh nhân dân của chị Trương Thị Trúc L và anh Trần Văn P và sổ

hộ khẩu; giấy khai sinh Trần Thảo V, bản tự khai ký tên Trần Văn P và 04 biên bản xác minh ngày 18/5/2018.

Kết quả thu thập chứng cứ:

Theo biên bản xác minh ngày 18/5/2018 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp B và ấp T cho thấy chị L và anh P chung sống với nhau năm 2012, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013 hiện đang sống với chị L, hiện cháu Thảo V được chị L chăm sóc chu đáo, cuộc sống của cháu ổn định, chị L có đủ điều kiện kinh tế và thời gian chăm sóc cháu Thảo V để cháu Thảo V phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần.

Biên bản xác minh ngày 18/5/2018 làm việc với những biết sự việc chị L đang nuôi dưỡng cháu Trần Thảo V, thì được biết từ khi chị L và anh P ly thân nhau thì chị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Thảo V, hiện tại cháu Thảo V có cuộc sống ổn định và phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể là: Thống nhất thuận tình ly hôn; về tài sản chung và nợ chung đều xác định không có và không yêu cầu gì thêm nhưng còn về con thì chị L và anh anh đều yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị L và anh P giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Trúc L đối với anh Trần Văn P là có căn cứ chấp nhận theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét về yêu cầu của chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thảo V là có căn cứ chấp nhận theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh P, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng

dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P cưới nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T theo giấy chứng nhận kết hôn số 103 do Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/6/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị Trương Thị Trúc L yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn P thấy rằng giữa anh chị có nhiều bất đồng trong cuộc sống, chị L cho rằng anh P thường xuyên đi nhậu với bạn bè về vợ chồng cự cãi, có lần anh P đánh chị L (đánh bằng tay), làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc chị đã cố gắng níu kéo để giữ hạnh phúc gia đình như anh P vẫn không sửa đổi, sau đó cha mẹ hai bên hòa giải động viên nhưng anh P vẫn tính nết tặc nết và vợ chồng đã thật sự ly thân nhau từ ngày 20/3/2018 cho đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 09/5/2018 anh P cũng đồng ý ly hôn với chị L, nguyên nhân do anh P cũng có đi nhậu với bạn bè, về chị L cần nhàn nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm cho đời sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 20/3/2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của chị L và anh P đồng ý ly hôn với chị L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[4] Về quan hệ con chung: Chị L và anh P có đều xác định có 01 người con chung tên Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013, hiện nay chị L đang nuôi dưỡng. Chị L và anh P đều có nguyện vọng nuôi con sau ly hôn, tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Thấy rằng cháu Trần Thị Thảo V còn nhỏ lại là con gái, cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Thảo V đang được chị L trực tiếp nuôi dưỡng và trong thời gian qua chị L nuôi dưỡng tốt, anh P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì phản đối yêu cầu nuôi con của chị L nên HĐXX quyết định giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị L xác nhận không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên HĐXX không đề cập xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết trong vụ án này.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do chị L là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận theo quy định các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như đã nhận định trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa chị Trương Thị Trúc L và anh Trần Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 103/2014 do Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/6/2014 đương nhiên hết hiệu lực kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

Giao cháu Trần Thảo V, sinh ngày 19/10/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (Hiện cháu Thảo V đang sống chung với chị L). Anh P không cấp dưỡng nuôi con cùng chị L.

Anh P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh P xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trương Thị Trúc L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001562 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chon